

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức rà soát danh sách doanh nghiệp năm 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 11 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê - Phó trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành rà soát danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) phục vụ cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2017 theo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giám đốc các doanh nghiệp nêu tại Điều 1 có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và kịp thời thông tin theo nội dung được yêu cầu.

Điều 3. Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế 2017 cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Quyết định này.

Điều 4. Thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Cấp Trung ương:

a) Thành phần: Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp Trung ương gồm:

- Ông Phạm Quang Vinh - Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục Thống kê, Tổ trưởng;

- Ông Phạm Đình Thủy, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê, Phó Tổ trưởng thường trực;

- Bà Lê Thị Minh Thủy, Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Tổng cục Thống kê, Phó Tổ trưởng;

- Ông Trần Tuấn Hưng, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin, Tổng cục Thống kê, Thành viên;

- Ông Hà Quang Tuyền, Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia, Tổng cục Thống kê, Thành viên;

- Ông Cao Quang Thành, Phó giám đốc Phụ trách Trung tâm tin học Thống kê khu vực I, Tổng cục Thống kê, Thành viên;

- Ông Nguyễn Huy Minh, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Vụ Khai và kế toán thuế, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính, Thành viên.

b) Nhiệm vụ: Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp Trung ương có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương chỉ đạo triển khai, hướng dẫn thực hiện việc rà soát danh sách doanh nghiệp trên phạm vi cả nước.

2. Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Thành phần: Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

- Cục trưởng Cục Thống kê, Tổ trưởng;

- Đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Cục Thuế, Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Sở Công Thương, Thành viên;
- Một số đại diện lãnh đạo cấp phòng Cục Thống kê, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế, Sở Công Thương, Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, Thành viên.

b) Nhiệm vụ: Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện rà soát danh sách doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo kế hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này và hướng dẫn của Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp Trung ương.

Điều 5. Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 4 và các cá nhân, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyễn Chí Dũng*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Tài chính (để phối hợp chỉ đạo);
- Tổng cục Thuế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở KHĐT, Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCTK (5 bản) *335*



**TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**
Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH RÀ SOÁT
DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1879/QĐ-BKHĐT
ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Mục đích

- Thống kê đầy đủ số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã hiện có đến thời điểm 31/12/2016 trên phạm vi cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp;

- Phục vụ thu thập thông tin khối doanh nghiệp, hợp tác xã trong Tổng điều tra kinh tế năm 2017 theo Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh, quản lý đối tượng nộp thuế đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Đối tượng và phạm vi rà soát

a) Đối tượng rà soát

- Các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi Luật doanh nghiệp; hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã và các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật bảo hiểm, Luật chứng khoán, Luật luật sư,... đã được đăng ký trước thời điểm 31/12/2016;

- Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp;

- Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam.

b) Phạm vi rà soát

Tiến hành rà soát danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam trên phạm vi cả nước.

3. Nội dung và cách thức tiến hành rà soát

a) Nguồn thông tin

Căn cứ vào nguồn thông tin do 4 cơ quan cung cấp:

(1) Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp được cấp mã số thuế có đến thời điểm 31/12/2016 do Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính quản lý;

(2) Danh sách các doanh nghiệp được cấp đăng ký kinh doanh có đến thời điểm 31/12/2016 do Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý;

(3) Danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã đã thu được phiếu số 1A/ĐTDN-DN; 1B/ĐTDN-DS trong điều tra doanh nghiệp năm 2016 do Tổng cục Thống kê quản lý;

(4) Danh sách các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam do Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý (*sau đây viết gọn là Sở Công Thương*).

b) Cách thức tiến hành

(1) Rà soát số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã

- Bước 1: Sử dụng danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã do Tổng cục Thuế cung cấp làm nền, đối chiếu các thông tin chủ yếu có liên quan gồm: Tên doanh nghiệp, mã số thuế, địa chỉ, loại hình, ngành kinh doanh chính, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã với danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã của Tổng cục Thống kê, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bước 2: Lập danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã trùng tên, trùng mã số thuế, trùng tình trạng hoạt động thì không tiến hành rà soát thực tế đối với các đơn vị này.

- Bước 3: Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã do các cơ quan cung cấp còn có sự khác biệt về tên, mã số thuế, tình trạng hoạt động, Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh tổ chức rà soát thực tế bằng các hình thức phù hợp với điều kiện của địa phương như:

trực tiếp đến doanh nghiệp, hợp tác xã, gửi thư điện tử (email), gọi điện thoại,... để xác minh thông tin.

Trên cơ sở đó các cơ quan thống nhất số lượng doanh nghiệp và báo cáo kết quả theo các biểu mẫu quy định.

(2) Lập danh sách cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam.

Dựa vào danh sách các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp do Tổng cục Thuế cung cấp và danh sách chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam do Sở Công Thương cung cấp, Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh tiến hành phân loại và lập danh sách theo mẫu biểu quy định.

c) Nội dung rà soát

Nội dung rà soát danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã gồm: Tên, địa chỉ, điện thoại, loại hình, tình trạng hoạt động, ngành kinh doanh chính.

d) Báo cáo kết quả rà soát

Sau khi rà soát, đối chiếu giữa nguồn thông tin hiện có của các cơ quan và quá trình xác minh tại địa bàn, Tổ Thường trực rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh báo cáo kết quả cho Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp Trung ương theo 5 loại biểu mẫu sau:

- Biểu số 1: Số doanh nghiệp thực tế tồn tại trên địa bàn chia theo tình trạng hoạt động tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Biểu số 2: Số doanh nghiệp thực tế tồn tại trên địa bàn chia theo ngành kinh tế và tình trạng hoạt động tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Biểu số 3: Số hợp tác xã thực tế tồn tại trên địa bàn chia theo ngành kinh tế và tình trạng hoạt động tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Biểu số 4: Số cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thực tế tồn tại tính đến thời điểm 31/12/2016 trên địa bàn chia theo tình trạng hoạt động;

- Biểu số 5: Danh sách chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép hoạt động trên địa bàn tính đến thời điểm 31/12/2016.

4. Các bảng danh mục sử dụng trong rà soát danh sách doanh nghiệp

a) Bảng phân ngành kinh tế: Áp dụng bảng hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam 2007 (phân loại theo ngành kinh tế cấp I).

b) Bảng danh mục loại hình doanh nghiệp: Gồm các loại hình doanh nghiệp như sau:

(1) *Doanh nghiệp nhà nước (mã số 1)* gồm: (1) Công ty TNHH do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước (kể cả Ngân hàng Thương mại nhà nước), Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con. (2) Công ty TNHH một thành viên độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (3) Công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50%;

(2) *Doanh nghiệp ngoài nhà nước (mã số 2)* gồm: (4) Doanh nghiệp tư nhân; (5) Công ty hợp danh; (6) Công ty TNHH tư nhân, Công ty TNHH có vốn nhà nước bằng hoặc dưới 50%; (7) Công ty cổ phần không có vốn nhà nước; (8) Công ty cổ phần có vốn nhà nước bằng hoặc dưới 50%;

(3) *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (mã số 3)* gồm: (9) DN 100% vốn nước ngoài; (10) DN nhà nước liên doanh với nước ngoài; (11) DN khác liên doanh với nước ngoài;

(4) *Hợp tác xã (mã số 4)* gồm: (12) Hợp tác xã; (13) Liên hiệp hợp tác xã; (14) Quỹ tín dụng nhân dân.

c) Bảng tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã

(1) *Doanh nghiệp thực tế đang hoạt động*, gồm các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có phát sinh thuế.

(2) *Doanh nghiệp đang đầu tư chưa đi vào hoạt động SXKD*, gồm các doanh nghiệp đang trong quá trình xây dựng, đầu tư máy móc thiết bị, lắp đặt dây truyền sản xuất... và chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh chưa phát sinh sản phẩm, doanh thu...

(3) *Doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh*, gồm các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh không quá 1 năm, sau đó tiếp tục hoạt động kinh doanh trở lại (tổng thời gian tạm ngừng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên tiếp không quá 2 năm).

(4) *Doanh nghiệp ngừng hoạt động, chờ giải thể, phá sản*, gồm các doanh nghiệp ngừng hoạt động như bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp đóng mã số thuế, đang làm thủ tục chờ giải thể, phá sản,....

(5) *Doanh nghiệp không tìm thấy hoặc không xác minh được*, gồm các doanh nghiệp có trong cơ sở dữ liệu cơ quan thuế hiện đang quản lý thuộc các tình trạng ở trên nhưng điều tra viên xác minh, không tìm thấy như:

doanh nghiệp không hoạt động theo địa điểm đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích...

d) Bảng danh mục các đơn vị hành chính

Áp dụng bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2007, ban hành theo Quyết định số: 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã cập nhật đến thời điểm 31/12/2016.

5. Kế hoạch tiến hành

Bước 1. Công tác chuẩn bị: Thời gian thực hiện từ ngày 15 đến 30/12/2016, gồm các công việc:

- (1) Ban hành Quyết định tổ chức rà soát;
- (2) Xây dựng kế hoạch rà soát;
- (3) Gửi Quyết định và kế hoạch rà soát danh sách doanh nghiệp tới Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thực hiện;

Bước 2. Chuẩn bị và triển khai tại địa phương: Thời gian thực hiện từ 01/01/2017 đến 20/02/2017, gồm các công việc:

- (1) Thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh;
- (2) Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên và hướng dẫn nghiệp vụ, triển khai hoạt động rà soát danh sách doanh nghiệp theo kế hoạch.

Bước 3. Nhập tin, tổng hợp báo cáo: Thời gian thực hiện từ 21/02/2017 đến 25/02/2017, gồm các công việc:

- (1) Nhập tin danh sách doanh nghiệp, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp: Thực hiện theo mẫu bảng kê gửi kèm;
- (2) Thẩm định và nghiệm thu danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp: Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh thực hiện;
- (3) Tổng hợp, báo cáo kết quả.

Bước 4. Gửi báo cáo

Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh trình Ban chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế 2017 cấp tỉnh báo cáo kết quả rà soát danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã và gửi báo cáo cho Tổ Thường trực chỉ đạo rà

soát danh sách doanh nghiệp Trung ương: *Thời gian thực hiện: Trước ngày 28/02/2017.*

Địa chỉ gửi báo cáo:

- Báo cáo bằng văn bản (bản cứng) gửi về địa chỉ: Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo bằng file mềm (dạng Excel) gửi về địa chỉ thư điện tử: congnghiep@gso.gov.vn.

6. Tổ chức thực hiện

- Tổng cục Thuế, Bộ Tài Chính có trách nhiệm cung cấp cho Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp Trung ương danh sách doanh nghiệp, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp thực tế tồn tại có đến thời điểm 31/12/2016 trên phạm vi cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp danh sách doanh nghiệp được cấp đăng ký kinh doanh thực tế tồn tại có đến thời điểm 31/12/2016 trên phạm vi cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp Trung ương (Tổng cục Thống kê) có trách nhiệm gửi danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp cho Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát doanh nghiệp cấp tỉnh (qua Cục Thống kê) để rà soát;

- Cục Thuế chịu trách nhiệm phối hợp với Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh rà soát danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn hiện còn tồn tại tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh rà soát danh sách các doanh nghiệp được cấp đăng ký kinh doanh hiện còn tồn tại tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Sở Công Thương có trách nhiệm cung cấp và phối hợp với Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh danh sách các chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tính đến thời điểm 31/12/2016;

- Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp cấp tỉnh tiến hành rà soát danh sách doanh nghiệp, cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác

xã, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài được cấp phép tại Việt Nam theo đúng quy định trong Kế hoạch và hướng dẫn của Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp Trung ương.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện rà soát danh sách doanh nghiệp do ngân sách Trung ương bảo đảm cho các hoạt động được quy định trong Kế hoạch (ghi trong dự toán kinh phí của cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2017).

Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế Trung ương giao Tổng cục Thống kê tổ chức thực hiện dự toán cho các công việc quy định trong Kế hoạch rà soát danh sách doanh nghiệp và Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra quốc gia, chịu trách nhiệm hướng dẫn công khai cho Tổ Thường trực chỉ đạo rà soát danh sách doanh nghiệp các cấp thực hiện dự toán theo đúng quy định./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

**TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ TRUNG ƯƠNG
Nguyễn Chí Dũng**

Tỉnh, TP:

BIỂU SỐ 1: **SỐ DOANH NGHIỆP THỰC TẾ**
TỒN TẠI
TRÊN ĐỊA BÀN CHIA THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU VÀ TÌNH
TRẠNG HOẠT ĐỘNG
TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2016

	Tổng số	Chia ra:		
		Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp ngoài nhà nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
A	1=2+3+4	2	3	4
TỔNG SỐ				
<i>Chia theo tình trạng hoạt động:</i>				
1. Số DN đang hoạt động				
<i>Trong đó: Số DN đang đầu tư chưa đi vào SXKD</i>				
2. Số DN tạm ngừng kinh doanh				
3. Số DN ngừng hoạt động, chờ giải thể, phá sản				
4. DN không tìm thấy, không xác minh được				

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ
HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
(Ký tên, đóng dấu)

**CỤC TRƯỞNG CỤC
THUẾ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
2017
**CỤC TRƯỞNG CỤC
THỐNG KÊ**
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, TP:

**BIỂU SỐ 2: SỐ DOANH NGHIỆP THỰC TẾ TỒN TẠI TRÊN
ĐỊA BÀN CHIA THEO NGÀNH KINH TẾ
VÀ TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM
31/12/2016**

	Mã ngành kinh tế (VSIC 2007) cấp I	Tổng số doanh nghiệp thuộc các tình trạng hoạt động	Số DN thực tế đang hoạt động	Số DN tạm ngừng kinh doanh	Số DN ngừng hoạt động, chờ giải thể, phá sản	Số DN không tìm thấy hoặc không xác minh được
A	B	1 = 2+3+4 + 5	2	3	4	5
TỔNG SỐ						
<i>Chia theo ngành KT (cấp I):</i>						
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	A					
Khai khoáng	B					
Công nghiệp chế biến, chế tạo	C					
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D					
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	E					
Xây dựng	F					
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G					
Vận tải kho bãi	H					
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	I					
Thông tin và truyền thông	J					
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	K					
Hoạt động kinh doanh bất động sản	L					
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	M					
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	N					
Giáo dục và đào tạo	P					
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	Q					
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	R					
Hoạt động dịch vụ khác	S					

Ngày tháng năm 2017
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, TP:

BIỂU SỐ 3: SỐ HỢP TÁC XÃ THỰC TẾ TỒN TẠI TRÊN ĐỊA BÀN
CHIA THEO NGÀNH KINH TẾ VÀ TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2016

	Mã ngành kinh tế (VSIC 2007) cấp I	Tổng số HTX	Số HTX thực tế đang hoạt động	Số HTX tạm ngừng kinh doanh	Số HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể, phá sản	Số HTX không tìm thấy hoặc không xác minh được
A	B	1 = 2+3+4+5	2	3	4	5
TỔNG SỐ						
Chia theo ngành KT(cấp I):						
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	A					
Khai khoáng	B					
Công nghiệp chế biến, chế tạo	C					
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D					
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	E					
Xây dựng	F					
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G					
Vận tải kho bãi	H					
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	I					
Thông tin và truyền thông	J					
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	K					
Hoạt động kinh doanh bất động sản	L					
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	M					
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	N					
Giáo dục và đào tạo	P					
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	Q					
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	R					
Hoạt động dịch vụ khác	S					

Ngày tháng năm 2017
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tỉnh, TP:

BIỂU SỐ 4: SỐ CƠ SỞ TRỰC THUỘC DOANH NGHIỆP
THỰC TẾ TỒN TẠI TRÊN ĐỊA BÀN
CHIA THEO TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍNH ĐẾN THỜI
ĐIỂM 31/12/2016

	Tổng số cơ sở
A	1
TỔNG SỐ	
<i>Chia ra:</i>	
1. Cơ sở thực tế đang hoạt động	
2. Cơ sở tạm ngừng kinh doanh	
3. Cơ sở ngừng hoạt động, chờ giải thể, phá sản	

Ngày tháng năm 2017
CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ
(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC CHI NHÁNH.

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

CỦA DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2016

[illegible]

Ngày tháng

năm 2017

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG

THƯỜNG

(Ký tên, đóng dấu)

CỤC TRƯỞNG CỤC

THỐNG KÊ

(Ký tên, đóng dấu)